

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẾ SƠN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2022/HS-ST**  
Ngày 18-02-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Trương Thị Sen.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Phan Duy Phương và bà Võ Thị Hồng Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Ngọc Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** ông Trần Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

**1. Võ Như Hoàng V** (V Hoàng), sinh ngày: 25/5/2002 tại thị xã B, tỉnh N; nơi cư trú: khối phố A, phường T, thị xã B, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Võ Như B, sinh năm: 1977 và bà Hoàng Thị H: sinh năm: 1976; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất, chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh N, có mặt.

**2. Phan Phước H** (Bơm), sinh ngày: 30/9/1999 tại thị xã B, tỉnh N; nơi cư trú: thôn Đ, xã P, thị xã B, tỉnh N; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: cơ khí; trình độ học vấn: 3/12; con ngoài giá thú của bà Phan Thị H; sinh năm: 1959; bị cáo là con một trong gia đình, chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 05/9/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Na xử phạt 30 tháng tù về tội “*Cướp giết tài sản*” (theo Bản án số 20/2016/HSST).

Bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, có mặt.

3. **Lương Văn V1**, sinh ngày: 24/11/1998 tại thị xã B, tỉnh N; nơi cư trú: thôn M, xã M, thị xã B, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: thợ sắt; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lương C, sinh năm: 1954 và bà Phạm Thị T, sinh năm: 1958; bị cáo là con một trong gia đình, chưa có vợ, con; tiền án: không.

Tiền sự: ngày 27/3/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh N ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng, theo Quyết định số 05/2020/QĐ-TA.

Nhân thân: ngày 16/9/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 02 năm tù về tội “*Cướp giết tài sản*” (theo Bản án số 32/2015/HSST); ngày 31/5/2018 và 14/9/2018, bị Công an thị xã B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 251/QĐ-XPVPHC và 527/QĐ-XPVPHC.

Bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh N, có mặt.

- *Bị hại*: Trần Đình H, sinh năm: 1975

Địa chỉ: tổ dân phố A, thị trấn A, huyện S, tỉnh N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Nguyễn Cao T, sinh năm 1975

Địa chỉ: 136 đường K, phường D, quận C, thành phố Đ.

+ Nguyễn Đình Y, sinh năm 1998

Địa chỉ: khối phố H, thị trấn P, huyện X, tỉnh N.

+ Phạm Thị T, sinh năm: 1958

+ Lê C, sinh năm: 1964

Cùng địa chỉ: thôn M, xã Mi, thị xã B, tỉnh N.

+ Đặng Thị Ly N, sinh năm 1979

Địa chỉ: thôn C, xã S, huyện X, tỉnh N.

Tại phiên tòa, có mặt các bị cáo, bà T; người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Tối ngày 16/5/2021, các bị cáo Phan Phước H, Lương Văn V1ũ và Võ Như Hoàng V cùng ăn uống tại phòng trọ của H thuộc phường T, thị xã B, tỉnh N. Trong lúc ăn uống, H, V1 và V cùng bàn bạc việc đi trộm cắp tài sản, cụ thể là sẽ đi dạo ngoài đường nếu phát hiện xe mô tô nào có sẵn chìa khóa khởi động trên xe nhưng không có ai trông coi quản lý thì lấy trộm. Đến khoảng 04 giờ ngày 17/5/2021, bị cáo H điều khiển xe mô tô loại Dream (H chỉ nhớ số cuối là 109 chứ không nhớ cụ thể biển kiểm soát, xe mô tô này do H mua sử dụng, sau đó đã bán lại cho một người tên K vì xe hay bị hư hỏng), còn V1 điều khiển xe mô tô hiệu Wave RS biển kiểm soát 92D1-202.83 chở V. Cả ba bị cáo đi từ phòng trọ của H tại phường T, thị xã B theo hướng Quốc lộ 1A vào đến huyện T, tỉnh N nhưng chưa phát hiện xe mô tô nào có gắn chìa khóa trên xe nên đi vòng lại theo hướng K - Đ. Khoảng 05 giờ 15 phút ngày 17/5/2021, anh Trần Đình H điều khiển xe mô tô Airblade biển kiểm soát 43B1-019.30 đến khu vực chợ A thuộc thị trấn A, huyện S, anh H để chìa khóa khởi động trên xe mô tô rồi đi bộ tập thể dục. Lúc này, H, V1 và V đi đến cầu A (cầu mới) thuộc thị trấn A thì V1 phát hiện tại khu vực bờ kè sông phía dưới cầu có một xe mô tô Airblade nhưng không thấy ai trông coi, quản lý. V1 nói với V, H lại xem có chìa khóa trên xe không thì V và H đồng ý. Ba bị cáo vừa đi vừa bàn bạc với nhau, phân công với nhau là V sẽ trực tiếp lấy xe, V1 và H ngồi trên xe mô tô dừng ở hai đầu đoạn đường, nếu bị phát hiện thì V nhảy lên một trong hai xe của H và V1 để tẩu thoát. Cả ba đi qua khỏi cầu rồi rẽ vào khu vực sau chợ A và dừng lại cách xe Airblade khoảng 10m. V xuống xe đi bộ lại vị trí để xe Airblade, V1 và H đứng ở hai đầu. V bật chìa khóa khởi động và điều khiển xe chạy về hướng Quốc lộ 1A đi thị xã B, H điều khiển xe Dream, V1 điều khiển xe Wave RS chạy theo sau. V điều khiển xe máy Airblade vừa trộm được về để gần phòng trọ của H. Sau khi tập thể dục xong, anh H lại vị trí xe phát hiện xe đã bị mất nên trình báo cơ quan Công an để giải quyết.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, bị cáo H gọi điện thoại cho anh Nguyễn Đình Y (là chủ tiệm cầm đồ) để hỏi bán xe. Sau đó, H, V1 và V mang xe mô tô này đến tiệm cầm đồ của anh Y và được anh Y mua với giá 5.000.000 đồng. Sau khi bán được tài sản, H chia cho V1 và V mỗi bị cáo 1.600.000 đồng, H giữ 1.800.000 đồng. Sau khi mua được xe, anh Y bán cho chị Đặng Thị Ly N với giá 10.000.000

đồng. Quá trình điều tra, anh Y đã giao nộp số tiền 10.000.000 đồng, chị N đã giao nộp xe mô tô nêu trên cùng giấy đăng ký xe cho Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 04/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện Quế Sơn kết luận: giá trị 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade màu xám-đen-bạc có giá trị tại thời điểm bị xâm phạm là: 15.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 04/CT-VKSQS ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn truy tố các bị cáo Võ Như Hoàng V, Phan Phước H và Lương Văn V1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố các bị cáo Võ Như Hoàng Vt, Phan Phước H và Lương Văn V1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; xử phạt các bị cáo V, H và V1 mỗi bị cáo từ 30 tháng đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt đi thi hành án. Về xử lý vật chứng: trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn đã xử lý xong, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về trách nhiệm dân sự: không ai có yêu cầu bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập, xử lý. Về biện pháp tư pháp: đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu số tiền 5.000.000đ mà các bị cáo có được do thực hiện hành vi phạm tội để sung ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo V, H và V1 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, trong đó V là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản, các bị cáo khác thống nhất ý chí và cùng bàn bạc phân công nhiệm vụ là H, V1 làm nhiệm vụ canh giới, V trực tiếp lấy tài sản.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo V, H và V1 đều nhận thấy hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn đề nghị là quá cao, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 04 giờ ngày 17/5/2021, sau khi nhậu tại phòng trọ của Phan Phước H thuộc phường T, thị xã B, để có tiền tiêu xài bị cáo Võ Như Hoàng V đã khởi xướng việc trộm cắp tài sản và được các bị cáo H, Lương Văn V1 đồng ý. Cả ba bị cáo thống nhất sẽ đi dạo dọc đường nếu phát hiện xe mô tô nào có sẵn chìa khóa trên xe nhưng không có ai trông coi, quản lý thì lấy trộm. Bị cáo H điều khiển xe mô tô loại Dream (Hoàng chỉ nhớ ba số cuối là 109), còn V1 điều khiển xe mô tô hiệu Wave RS biển kiểm soát 92D1-202.83 chở V, cả ba đi từ phòng trọ của H theo hướng Quốc lộ 1A vào đến huyện T, tỉnh N nhưng chưa phát hiện xe mô tô nào có gắn chìa khóa trên xe nên đi vòng lại theo hướng T- Đ. Khoảng 05 giờ 15 phút ngày 17/5/2021, V1 phát hiện tại khu vực bờ kè sông phía dưới cầu A (cầu mới) thuộc thị trấn A có một xe mô tô Airblade biển kiểm soát 43B1-019.30 của anh Trần Đình H để chìa khóa trên xe rồi đi bộ tập thể dục, không có ai trông coi, quản lý. Lúc này, V1 nói với V, H lại xem có chìa khóa trên xe không thì V và H đồng ý. Ba bị cáo vừa đi vừa bàn bạc, phân công với nhau là V sẽ trực tiếp lấy xe, V1 và H ngồi trên xe mô tô dừng ở hai đầu đoạn đường, nếu bị phát hiện thì V nhảy lên một trong hai xe của H hoặc V1 để tẩu thoát. Cả ba điều khiển xe đến vị trí có xe Airblade và dừng lại cách xe Airblade khoảng 10m. V xuống xe đi bộ lại vị trí để xe Airblade, V1 và H đứng ở hai đầu đoạn đường, V bật chìa khóa khởi động và điều khiển xe chạy về hướng Quốc lộ 1A đi thị xã B, H điều khiển xe Dream, V1 điều khiển xe Wave RS chạy theo sau, V điều khiển xe máy Airblade vừa trộm được về để gần phòng trọ của H. Sau khi lấy được tài sản, khoảng 13 giờ cùng ngày, H đã liên hệ với anh Nguyễn Đình Y và bán xe Airblade vừa trộm được cho anh Y với giá 5.000.000đ, H chia cho V1, V mỗi bị cáo 1.600.000đ, bị cáo H 1.800.000đ, số tiền này các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của các bị cáo cùng thống nhất ý chí, cùng nhau bàn bạc, phân công nhiệm vụ của từng người, trong đó V là người khởi xướng việc thực

hiện hành vi trộm cắp tài sản, tài sản bị chiếm đoạt là một xe mô tô hiệu Honda Airblade màu xám - đen - bạc biển kiểm soát 43B1-019.30 của anh Trần Đình H có giá trị được định giá là 15.000.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung “có tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được điều đó, nhưng với bản tính tham lam, lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để trộm cắp tài sản với mục đích có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Xét vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo cùng thực hiện tội phạm, trong đó bị cáo V là người khởi xướng và là người trực tiếp lấy trộm tài sản, bị cáo V1, H đều thống nhất ý chí và cả ba cùng bàn bạc phân công nhiệm vụ, V sẽ trực tiếp lấy tài sản, H và V1 làm nhiệm vụ canh giới nếu bị phát hiện sẽ lên 01 trong 02 xe của các bị cáo còn lại để tẩu thoát. Sau khi lấy được tài sản, H là người trực tiếp liên hệ với anh Y và cả ba bị cáo cùng đi tiêu thụ tài sản. Vì vậy, trong vụ án này V có vai trò thứ nhất trong vụ án, H đã liên hệ với anh Y để tiêu thụ tài sản và được hưởng số tiền nhiều hơn các bị cáo khác nên giữ vai trò thứ 2, V1 giữ vai trò thứ 3 trong vụ án.

[4]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo V chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo H có nhân thân xấu: ngày 05/9/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 30 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Bị cáo V1 có 01 tiền sự: ngày 27/3/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh N ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng và có nhân thân xấu: ngày 16/9/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 02 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”; ngày 31/5/2018 và 14/9/2018, bị Công an thị xã B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Trong quá trình điều

tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội đã có sự bàn bạc thống nhất, phân công nhiệm vụ thuộc tình tiết định khung “có tổ chức” và bị cáo H, V1 đều có nhân thân xấu, V là người khởi xướng, vì vậy cần thiết phải cách phải ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Những nội dung liên quan đến vụ án:

Đối với anh Nguyễn Đình Y là người mua xe mô tô hiệu Honda Airblade màu xám - đen - bạc biển kiểm soát 43B1-019.30 của các bị cáo; chị Đặng Thị Ly N là người mua lại xe mô tô này từ anh Y: quá trình điều tra xác định anh Y, chị N không biết đó là tài sản do V, H và V1 trộm cắp mà có nên không đủ cơ sở để xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các hành vi trộm cắp khác do V, H và V1 khai nhận đã thực hiện tại huyện Quế Sơn, Duy Xuyên, Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đang được điều tra, truy tố theo trình tự quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: bị hại anh Trần Đình H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Đặng Thị Ly N đã nhận lại số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Đình Y không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) mà anh Y đã mua xe mô tô 43B1-019.30 nên Hội đồng xét xử không đề cập, xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với xe mô tô Dream (số đuôi 109, không rõ biển kiểm soát) H dùng làm phương tiện để đi trộm cắp: quá trình điều tra xác định, H mua và đã bán lại cho người đàn ông tên K tại thành phố Đ. Tuy nhiên, H không rõ họ tên đầy đủ, địa chỉ và số điện thoại của người này, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn không thu giữ được xe mô tô Dream nên không thể tịch thu xe Dream nêu trên nên Hội đồng xét xử không đề cập, xử lý.

Đối với xe mô tô Wave RS biển kiểm soát 92D1-202.83 là xe của bà Phạm Thị T (mẹ ruột của V1) mua lại của ông Lê C nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật. Việc V1 sử dụng xe mô tô 92D1-202.83 làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, bà T không biết. Do đó, Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn không tiến hành thu giữ và không đề cập xử lý bà T là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Tịch thu của Phan Phước H số tiền 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm ngàn đồng*); Lương Văn V1, Võ Như Hoàng V mỗi bị cáo số tiền 1.600.000đ (*Một triệu sáu trăm ngàn đồng*) là tiền các bị cáo có được do thực hiện hành vi phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: các bị cáo Võ Như Hoàng V, Phan Phước H và Lương Văn V1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố: các bị cáo Võ Như Hoàng V, Phan Phước H và Lương Văn V1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt:

Bị cáo Võ Như Hoàng V 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Bị cáo Phan Phước H 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Bị cáo Lương Văn V1 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Tịch thu của bị cáo Phan Phước H số tiền 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm ngàn đồng*), Lương Văn V1, Võ Như Hoàng V mỗi bị cáo số tiền 1.600.000đ (*Một triệu sáu trăm ngàn đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc Võ Như Hoàng V, Phan Phước H và Lương Văn V1 mỗi bị cáo phải chịu là 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.



4. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18-02-2022). Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Văn phòng Công an huyện Quế Sơn;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quế Sơn;
- Phòng hồ sơ CA huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các bị cáo, người TGGT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Sen**